

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRỰC NINH  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2022/DS-ST**  
Ngày 07 - 7 - 2022  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Thái Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đoàn Thị Dịu

Bà Lưu Thị Thanh Nhâm

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thanh Hiếu Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2021/DS-ST ngày 02/11/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị R, sinh năm 1959 và bà Trần Thị T, sinh năm 1943, Cùng nơi cư trú: Xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị T là bà Trần Thị R.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà R, bà T: Bà Trần Thị Thắm - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định.

***Bị đơn:*** Ông Trần Văn K, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Bích Đ, sinh năm 1970, Cùng nơi cư trú: Xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt bà Trần Thị R, bà Trần Thị Thắm, bà Nguyễn Thị Bích Đ. Ông Trần Văn K, vắng mặt tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, có mặt tại phần thủ tục tranh tụng, tuyên án.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải - nguyên đơn là bà Trần Thị R trình bày:

Vì mối quan hệ quen biết nên tháng 11 năm 2010, bà và bà T (là chị ruột) có cho vợ chồng ông K, bà Đ vay 16,5 chỉ vàng 99%. Việc vay vàng có giấy biên nhận do chính tay bà Đ viết. Tuy nhiên, trong giấy biên nhận bà Đ tự ghi tên ông K và hai con vì lúc này chồng con bà Đ đi làm ăn xa. Tại giấy biên nhận, hai bên đã thoả thuận vợ chồng ông K, bà Đ chỉ vay trong vòng 02 năm. Năm thứ nhất là phải trả cho bà và bà T số tiền lãi là 50.000đ/chỉ vàng mỗi tháng. Còn năm thứ 2 thì phụ thuộc vào giá vàng. Vợ chồng ông K, bà Đ hứa đến tháng 11 năm 2013 phải trả hết nợ gốc. Quá trình trả nợ, con trai của ông K, bà Đ là anh Trần Văn C đã trả cho bà là 04 chỉ vàng 99% và 10 triệu đồng. Đối với 10 triệu đồng này bà trừ vào tiền lãi vì bà Đ gọi điện về cho bà bảo là trả tiền lãi. Vợ chồng ông K, bà Đ còn nợ bà số vàng là 12,5 chỉ vàng 99%.

Ngày 04/5/2013 âm lịch, ông K có vay của bà và bà T số vàng là 1,5 chỉ vàng 99%. Ngày 30/6/2013 âm lịch, ông K vay của bà 03 chỉ vàng 99%. Tổng cộng, ông K vay của bà và bà T số vàng là 4,5 chỉ vàng 99%. Ngoài ra, bà có mua hộ cho ông K 01 bao đạm vàng 50 kg. Ông K đã trả cho bà 01 chỉ vàng 99%. Ông K còn nợ bà 3,5 chỉ vàng 99% và 01 bao đạm vàng 50kg.

Ngoài ra, vợ chồng ông K bà Đ còn nợ bà số thóc, gạo, tiền cụ thể như sau:

Từ khoảng năm 2005 đến năm 2011, vợ chồng ông K bà Đ vay của bà 1149 kg thóc tẻ. Từ khoảng năm 2011 đến năm 2012, vợ chồng ông K bà Đ vay của bà 299 kg thóc Nếp Cao và 10 kg gạo Nếp cao. Từ khoảng năm 2010 đến năm 2012, vợ chồng ông K bà Đ vay của bà 449 kg thóc tám và 1.600.000đ.

Từ đó đến nay bà nhiều lần đòi nhưng vợ chồng ông K, bà Đ không trả.

Nay bà yêu cầu TAND huyện Trực Ninh: Buộc ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Bích Đ phải trả cho bà và bà T số vàng 12,5 chỉ vàng 99% và 1149kg thóc tẻ, 299 kg thóc Nếp Cao, 10 kg gạo Nếp cao và 449 kg thóc tám, 12kg gạo tẻ và 1.600.000đ và trả lãi suất đối với khoản vay vàng là 50.000 đồng/ 01chỉ vàng mỗi tháng từ thời điểm vay đến khi trả xong nợ vàng.

Yêu cầu riêng đối với ông Trần Văn K phải trả cho bà 3,5 chỉ vàng 99% và 01 bao đạm vàng 50kg.

Tại bản tự khai ngày 08/12/2022, các biên bản hòa giải - bị đơn là ông Trần Văn K trình bày:

Ông thừa nhận việc bản thân ông có vay bà T, bà R 4,5 chỉ vàng và 01 bao đạm vàng 50 kg. Ông đã trả cho bà R 01 chỉ vàng vào ngày 30 tết năm 2020. Nay ông chỉ còn nợ bà T, bà R 3,5 chỉ vàng và 50kg đạm. Ông nhận trách nhiệm trả cho bà R, bà T số vàng, số đạm nêu trên. Quan điểm của ông là mỗi năm tôi sẽ trả cho bà R, bà T 01 chỉ vàng và trả luôn 50 kg đạm vàng cho bà R.

Đối với khoản vay 16,5 chỉ vàng mà bà R xác nhận là khoản vay chung của vợ chồng ông thì ông không đồng ý. Thời gian đó, vợ ông ở nhà vay vàng của bà R, bà T thì ông hoàn toàn không biết vì ông đi làm ăn xa. Vợ ông cũng không

thông báo cho ông biết. Giấy biên nhận ngày 21/6/2012 là chữ của vợ ông nhưng ông và các con không ký vào giấy biên nhận. Ông không biết vợ ông dùng vào mục đích nào nên ông xác định không liên quan đến khoản nợ này. Đây là khoản nợ riêng của vợ ông.

Đối với số thóc, số gạo bà R yêu cầu, ông xác định không liên quan. Vì khoảng thời gian này, ông đi làm ăn xa, vợ ông ở nhà vay mượn gạo thóc như thế nào thì ông không biết.

Tại bản tự khai ngày 09/03/2022, biên bản hòa giải - bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích Đ trình bày:

Bà không đồng ý đối với yêu cầu của bà R, bà T buộc vợ chồng bà phải trả 12,5 chỉ vàng 9999, 1149kg thóc tẻ, 299 kg thóc Nếp Cao, 10 kg gạo Nếp Cao và 449 kg thóc tám, 12kg gạo tẻ, 1600.000đ.

Bà thừa nhận có vay bà R số thóc, gạo nêu trên. Tuy nhiên, bà và bà R, bà T đã thỏa thuận quy đổi số thóc, gạo trên thành 16,5 chỉ vàng. Bà xác nhận có ký vào Giấy biên nhận ngày 21/6/2012. Bà đã trả được cho bà R 04 chỉ vàng 9999 và 10 triệu đồng (10 triệu đồng quy đổi thành 02 chỉ vàng). Hiện tại bà chỉ còn nợ bà R, bà T 10,5 chỉ vàng. Bà nhận trách nhiệm trả 10,5 chỉ vàng trên cho bà R, bà T. Vì tình hình dịch bệnh khó khăn, bà bị vỡ nợ nên cũng phải trả cho nhiều người, bà sẽ cố gắng thu xếp mỗi năm sẽ trả cho bà R, bà T 02 chỉ vàng 9999. Nếu kinh tế ổn định hơn bà sẽ cố gắng trả nhiều hơn. Bà xác định khoản nợ 10,5 chỉ vàng này không liên quan đến ông Trần Văn K. Bà nhận trách nhiệm một mình trả số vàng này.

Đối với yêu cầu của bà R buộc ông Trần Văn K phải trả 4,5 chỉ vàng 9999 và 01 bao đạm vàng 50kg, bà không biết và xác định không liên quan đến việc vay nợ này.

#### Tại phiên tòa:

Đại diện của nguyên đơn: Xác nhận việc ông K đã trả 02 chỉ vàng 99%. Nhất trí việc ông K sẽ trả 1,5 chỉ vàng 99% và 50kg đạm trị giá 500.000đ vào ngày 31/12/2022, không yêu cầu lãi.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Bích Đ phải trả cho bà R, bà T số vàng 12,5 chỉ vàng 99% và 1149kg thóc tẻ, 299 kg thóc Nếp Cao, 10 kg gạo Nếp Cao và 449 kg thóc tám, 12kg gạo tẻ, 1600.000đ. Yêu cầu ông K, bà Đ phải có trách nhiệm trả lãi suất đối với khoản vay vàng là 50.000 đồng/01 chỉ vàng mỗi tháng trong thời gian 1 năm còn sau đó không yêu cầu do biên nhận vay vàng mới thỏa thuận cụ thể thời gian trả lãi là 1 năm, những năm sau việc thỏa thuận chưa rõ ràng.

Bà Trần Thị R đồng ý quan điểm nêu trên và bổ sung đề nghị TAND huyện Trục Ninh buộc vợ chồng ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Bích Đ phải trả cho bà R, bà T số vàng 13,5 chỉ vàng 99%.

Bị đơn là ông Trần Văn K trình bày: Ông thừa nhận có vay bà T, bà R 4,5 chỉ vàng và 01 bao đạm vàng 50 kg trị giá 500.000đ. Ông đã trả cho bà R 01 chỉ

vàng vào ngày 30 tết năm 2020. Trong quá trình chuẩn bị xét xử ông đã thỏa thuận và trả cho bà R và bà T 02 chỉ vàng 99%. Nay ông chỉ còn nợ bà R, bà T, 1,5 chỉ vàng và 50kg gạo trị giá 500.000đ. Ông đã thỏa thuận trả nhận trách nhiệm trả cho bà R, bà T số vàng, số gạo này vào ngày 31/12/2022.

Đối với khoản vay 16,5 chỉ vàng mà bà R xác nhận là khoản vay chung của vợ chồng ông thì ông không đồng ý. Thời gian đó, vợ ông ở nhà vay vàng của bà R, bà T thì ông hoàn toàn không biết vì ông đi làm ăn xa. Vợ ông cũng không thông báo cho ông biết. Giấy biên nhận ngày 21/6/2012 là chữ của vợ ông, ông thừa nhận có ký vào giấy biên nhận xác nhận việc bà Đ vay vàng, thóc gạo... sử dụng vào mục đích chung của gia đình nhưng xác định không liên quan đến khoản nợ này. Đây là khoản nợ riêng của bà Đ.

Bị đơn là bà Trần Thị Bích Đ trình bày: Không đồng ý đối với yêu cầu của bà R, bà T buộc vợ chồng bà phải trả 12,5 chỉ vàng 9999, 1149kg thóc tẻ, 299 kg thóc Nếp Cao, 10 kg gạo Nếp Cao và 449 kg thóc tám, 12kg gạo tẻ, 1600.000đ. Bà thừa nhận có vay bà R số thóc, gạo, tiền nêu trên. Tuy nhiên, bà và bà R, bà T đã thỏa thuận quy đổi số thóc, gạo, tiền nêu trên thành 16,5 chỉ vàng. Bà xác nhận có ký vào Giấy biên nhận ngày 21/6/2012. Bà xác định bà không vay vàng của bà R, mà chỉ vay thóc, gạo, tiền và đã được quy đổi thành 16,5 chỉ vàng. Bà đã trả được cho bà R 04 chỉ vàng 99% và 10 triệu đồng quy đổi thành 02 chỉ vàng. Hiện tại bà chỉ còn nợ bà R, bà T 12,5 chỉ vàng. Bà nhận trách nhiệm trả 12,5 chỉ vàng trên cho bà R, bà T. Vì tình hình dịch bệnh khó khăn, bà bị vỡ nợ nên cũng phải trả cho nhiều người, bà sẽ cố gắng thu xếp mỗi năm sẽ trả cho bà R, bà T 02 chỉ vàng 9999. Nếu kinh tế ổn định hơn bà sẽ cố gắng trả nhiều hơn. Bà xác định khoản nợ 12,5 chỉ vàng này không liên quan đến ông Trần Văn K.

Bà Đ thừa nhận việc vay vàng, thóc gạo, tiền ... của bà R, bà T sử dụng vào mục đích chung của gia đình nhưng nhận trách nhiệm một mình trả số vàng này. Đối với số nợ của ông K nếu ông K và bà R, bà T có yêu cầu thì bà cũng nhận trách nhiệm trả.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn, đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS; bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích Đ nhiều lần vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo hoãn phiên tòa do bị đơn vắng vắng lần thứ 1 và mở lại phiên tòa là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 471; 474 BLDS 2005; Các Điều 463; 466; 357; 468 BLDS 2015:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà R, buộc bà Đ phải trả cho bà R, bà T 12,5 chỉ vàng 9999 và 1149kg thóc tẻ, 299 kg thóc Nếp Cao, 10 kg gạo Nếp Cao và 449 kg thóc tám, 12kg gạo tẻ và 1.600.000 đồng;

Buộc ông Trần Văn K phải trả cho bà 3,5 chỉ vàng 99% và 01 bao đạm vàng 50kg. Ghi nhận việc ông K đã trả 02 chỉ vàng.

Về án phí: Ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Bích Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Về tố tụng: Việc bà Trần Thị R và bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Bích Đ cùng nơi cư trú: Xóm Nam Cự 1, xã Việt Hùng, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, TAND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng pháp luật. Nguyên đơn, đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS; Bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích Đ nhiều lần vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do khi bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích Đ vắng mặt lần thứ 1 không có lý do và tiếp tục mở lại phiên tòa là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

#### **[2]** Về nội dung vụ án

##### **2.1. Xét “Giấy biên nhận ngày 08/08/2012” và “Biên bản ngày 09/08/2012”:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai của bà Đ ngày 09/03/2022, bà Đ thừa nhận bà có ký vào văn bản vay 16,5 chỉ vàng nhưng thực chất 16,5 chỉ vàng này được quy đổi từ 1149kg thóc tẻ, 299 kg thóc Nếp Cao, 10 kg gạo Nếp Cao, 449kg thóc tám, 12 kg gạo tẻ mà bà vay của bà T, bà R. Bà đã trả cho bà R, bà T là 04 chỉ vàng và 10 triệu đồng (10 triệu đồng quy đổi thành 02 chỉ vàng).

Tại phiên tòa, bà Đ thừa nhận còn nợ bà R, bà T 12,5 chỉ vàng và nhận trách nhiệm trả. Tuy nhiên, bà Đ không có căn cứ chứng minh về việc quy đổi từ thóc, gạo, tiền sang 16,5 chỉ vàng.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị R xuất trình “Giấy biên nhận ngày 26/04/2012” thể hiện nội dung vay mượn 16,5 chỉ vàng của bà Đ, giấy biên nhận thể hiện rõ nội dung bà Đ vay mượn vàng không liên quan đến việc quy đổi số thóc, gạo như bà Đ đã trình bày. Đối với 10 triệu đồng bà Đ đã trả, bà R trừ vào khoản tiền lãi mà bà Đ chưa trả cho bà vì bà Đ gọi điện về cho bà trả vào tiền lãi.

HĐXX xét thấy: Tại thời điểm ký hợp đồng, bà R, bà T, bà Đ có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Bà Đ thừa nhận việc đã ký vào giấy biên nhận vay 16,5 chỉ vàng và bà Đ xác định việc vay vàng này không liên quan đến ông Trần Văn K. Bà Đ nhận trách nhiệm một mình trả khoản nợ còn lại là 12,5 chỉ vàng 99% cho bà R, bà T. Nội dung giấy biên nhận (hợp đồng) không vi phạm điều cấm, không trái đạo

đức xã hội. Do đó, giấy biên nhận ngày 01/5/2018 là hợp pháp, các bên tham gia ký kết đều phải có nghĩa vụ tôn trọng thực hiện nên yêu cầu của bà R có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

Đối với yêu cầu bổ sung của bà R tại phiên tòa là đề nghị TAND huyện Trục Ninh buộc vợ chồng ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Bích Đ phải trả cho bà R, bà T số vàng 13,5 chỉ vàng 99%, HĐXX thấy: Trong quá trình chuẩn bị xét xử bà R chỉ yêu cầu ông K, bà Đ trả 12,5 chỉ vàng 99%, các tài liệu có trong hồ sơ cũng thể hiện bà Đ vay nợ 12,5 chỉ vàng 99%. Do vậy yêu cầu này của bà R không được HĐXX chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi: Do pháp luật không có quy định về lãi suất vàng giữa các cá nhân, nội dung thỏa thuận về lãi giữa các bên không rõ ràng (50.000đ/chỉ/tháng năm thứ nhất, năm thứ 2 tùy theo giá vàng...) do vậy yêu cầu về lãi đối với khoản vay là vàng của nguyên đơn không được HĐXX chấp nhận. Việc bà R xác nhận đã nhận 10 triệu đồng từ bà Đ và đã trừ vào khoản tiền lãi, bà Đ không có ý kiến gì về việc này nên đó là tự nguyện của các bên HĐXX không xem xét.

## **2.2 Đối với các khoản vay thóc, gạo, tiền.**

Bà R yêu cầu cả hai vợ chồng ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Bích Đ trả 1149kg thóc tẻ, 299 kg thóc Nếp Cao, 10 kg gạo Nếp Cao, 449kg thóc tám, 12 kg gạo tẻ. 1.600.000đ. Bà Đ đã thừa nhận có vay các khoản nêu trên. Ông K xác định không liên quan đến khoản vay thóc, gạo này. Bà Đ thừa nhận có vay các khoản nêu trên nhưng đã quy đổi thành 16,5 chỉ vàng. Cũng như đối với khoản vay vàng nêu trên, bà Đ không có căn cứ chứng minh về việc quy đổi từ thóc, gạo, tiền sang 16,5 chỉ vàng giữa các bên do vậy ông K, bà Đ phải có trách nhiệm đối với khoản nợ này.

Căn cứ bảng giá thị trường do Sở Tài chính tỉnh Nam Định phát hành - Toà án nhân dân huyện Trục Ninh đã tiến hành thu thập chứng cứ tại xã V về giá của các loại thóc, gạo trên thị trường hiện nay. Kết quả xác minh là thóc tẻ thường, thóc tám hoặc tương đương có giá là 8.300 đồng/01kg thóc, thóc Nếp có giá bán lẻ 12.000 đồng/01kg, gạo Nếp có giá bán lẻ là 20.000 đồng/01kg gạo, gạo tám có giá bán lẻ 17.000 đồng/01kg, gạo tẻ thường có giá bán lẻ 12.500 đồng/01kg gạo.

**2.3. Đối với yêu cầu khởi kiện buộc ông Trần Văn K phải trả 3,5 chỉ vàng 99% và 01 bao đựng vàng 50kg.**

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn K và bà Trần Thị R đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đối với khoản vay này. Ông K nhận trách nhiệm trả cho bà R, bà T 3,5 chỉ vàng, 50 kg đựng vàng cụ thể như sau:

- Từ ngày 26/4/2022 đến 30/4/2022, ông K nhận trách nhiệm trả bao đựng vàng 50kg cho bà R.

- Ngày 15/6/2022, ông K nhận trách nhiệm trả cho bà R 02 chỉ vàng 99%.

- Ngày 15/12/2022, ông K nhận trách nhiệm trả cho bà R 1,5 chỉ vàng 99%.

HĐXX xét thấy, đối với khoản vay 3,5 chỉ vàng 99% và 01 bao đựng vàng

50kg ông Trần Văn K và bà Trần Thị R đã thỏa thuận thống nhất được nội dung giải quyết nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị R về việc buộc ông Trần Văn K phải trả 3,5 chỉ vàng 99% và 01 bao đựng vàng 50kg.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử ông K đã trả cho bà R và bà T 02 chỉ vàng 99% Nay ông chỉ còn nợ bà R, bà T, 1,5 chỉ vàng và 50kg đựng. Ông K đã thỏa thuận với bà R trả cho bà R, bà T số vàng, số đựng này vào ngày 31/12/2022. Tại Phiên tòa, các bên vẫn giữ nguyên thỏa thuận nên được HĐXX công nhận.

[3] Đối với yêu cầu buộc ông K, bà Đ phải trả các khoản nợ trên – HĐXX thấy: Tại phiên tòa, ông K và bà Đ thừa nhận bà Đ vay vàng, thóc gạo, tiền... sử dụng vào mục đích chung của gia đình, Ông K cũng thừa nhận ký vào giấy biên nhận vay vàng của bà T, bà R. Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình và để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và việc thi hành án, cần buộc ông K, bà Đ phải có trách nhiệm đối với khoản nợ nêu trên.

HĐXX căn cứ vào giá vàng tại thời điểm xét xử ngày 07/7/2022 là 5.330.000 đồng/01 chỉ vàng 99%, 50kg đựng vàng trị giá 500.000đ làm căn cứ xét xử và tính án phí.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định.

Đối với khoản nợ bà R yêu cầu ông K trả riêng, các bên đã thỏa thuận trước khi có quyết định ra xét xử và tại phiên tòa vẫn giữ nguyên thỏa thuận nên ông K chỉ phải chịu  $\frac{1}{2}$  án phí đối với 1,5 chỉ vàng 99%, 50kg đựng vàng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 357; 463; 466; 468; 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 246 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị T và bà Trần Thị R

Buộc ông Trần Văn K bà Nguyễn Thị Bích Đ phải trả cho bà Trần Thị T và bà Trần Thị R 12,5 chỉ vàng 99% hoặc giá trị tương đương tại thời điểm thi hành án; 1149kg thóc tẻ, 299 kg thóc Nếp Cao, 10 kg gạo Nếp cao và 449 kg thóc tám, 12kg gạo tẻ. Trị giá 17.201.400đ và 1.600.000đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trần Văn K và bà Trần Thị R: Ông Trần Văn K có nghĩa vụ phải trả cho bà Trần Thị T và bà Trần Thị R 4,5 chỉ vàng 99% và 01 bao đựng vàng 50kg trị giá 500.000đ.

Ghi nhận việc ông K đã trả 02 chỉ vàng 99%. Ông K có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị T và bà Trần Thị R 1,5 chỉ vàng 99%. bao đựng vàng 50kg 500.000đ vào ngày 31/12/2022.

**3. Án phí dân sự sơ thẩm:** Ông Trần Văn K phải nộp 212.000đ. (Đối với yêu cầu riêng của bà Trần Thị T và bà Trần Thị R).

Ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Bích Đ phải nộp 4.270.000đ.

**4. Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị R, bà Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng Ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Bích Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- Lưu HS, VP.

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Chu Thái Hà**